

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/DS-ST

Ngày: 23-01-2024

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Mai Thị Nhắc
- Ông Võ Hoàng Hiếu

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 375/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 530/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.
- Bị đơn:** Ông Hồ Thanh Xuân H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2023, bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ trình bày:

Ông vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2023.

Vào ngày 01/02/2021, ông có cho ông Hồ Thanh Xuân H mượn 01 con bò đực (giống bò Ba Bê) trị giá 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng). Qua việc cho mượn có hợp đồng giữa các bên như sau: Ông cho mượn bò, ông H mượn bò, có đại diện Hội nông dân xã, Chi hội Nông dân ấp P chứng kiến và có đại diện lãnh

đạo Ủy ban nhân dân xã ký và đóng dấu xác nhận nội dung hợp đồng cho mượn bò. Thời gian cho mượn bò là 18 tháng (kể từ ngày 01/02/2021 đến ngày 01/8/2022) là kết thúc hợp đồng thì bên mượn bò sẽ hoàn trả lại bên cho mượn bò số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) bằng tiền mặt.

Đến ngày 01/8/2022, khi kết thúc hợp đồng ông H không thực hiện trả lại tiền cho ông như trong hợp đồng. Ông có điện thoại nhiều lần cho ông H nhưng ông H cứ hứa hẹn nhiều lần mà vẫn không trả tiền cho ông.

Bên cạnh đó, Hội Nông dân xã và đại diện Chi hội Nông dân ấp P có đến trực tiếp gặp ông H trao đổi, làm việc 03 lần đều có biên bản ký tên hẹn ngày trả tiền, nhưng ông H cũng không thực hiện, quá hạn rất lâu, ông có làm đơn yêu cầu đến Hội đồng hòa giải xã giải quyết. Đến ngày 13/7/2023, Hội đồng hòa giải xã mời hai bên đến hòa giải thì ông H xin mỗi tháng trả 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến hết, ông cũng đồng ý. Đến nay gần 05 tháng, ông H chỉ trả cho ông được 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), còn lại 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) ông H cứ hẹn mà không trả. Hội đồng hòa giải xã có mời ông H nhiều lần nhưng ông H đều vắng mặt và cũng không có thiện chí muốn trả tiền cho ông.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Hồ Thanh Xuân H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông số tiền 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Hồ Thanh Xuân H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông H.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án là đảm bảo theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ. Buộc ông Hồ Thanh Xuân H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Huỳnh Văn Đ số tiền 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Ghi nhận ông Đ không yêu cầu tính lãi đối với số tiền ông H có nghĩa vụ hoàn trả.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Thanh Xuân H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngày 30/11/2023, ông Huỳnh Văn Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Thanh Xuân H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đ số tiền 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Kiện đòi tài sản*” được quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn ông Hồ Thanh Xuân H có nơi cư trú tại ấp P, xã A, huyện M nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Đối với bị đơn ông Hồ Thanh Xuân H mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do lần thứ hai nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Hồ Thanh Xuân H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đ số tiền 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi. Ông Hồ Thanh Xuân H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên không có lời trình bày.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông Đ đã cung cấp cho Tòa án Hợp đồng Về việc mượn bò giống để nuôi cho nông dân xã A được ký kết giữa bên A (Hộ cho mượn bò giống) là ông Huỳnh Văn Đ với bên B (Hộ nông dân được cho mượn bò) là ông Hồ Thanh Xuân H, bên C là đại diện Chi hội Nông dân ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, bên D là đại diện Hội nông dân xã A.

Theo Điều I của hợp đồng: Ông Đ có trách nhiệm cung cấp cho ông H 01 con bò giống để nuôi, gồm các tiêu chí: Giống bò: Đực B3, trị giá 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng); Ông H có trách nhiệm có chuồng trại, nguồn thức ăn (cỏ, rơm...), có kinh nghiệm trong chăn nuôi bò, có công lao động để chăm sóc bò trong thời gian hợp đồng. Kết thúc hợp đồng, ông H có trách nhiệm hoàn trả cho

ông Đ giá trị con bò ban đầu là trị giá 14.000.000 đồng bằng tiền mặt. Nếu hộ nông dân có nhu cầu bán bò trước thời gian hợp đồng thì hộ nông dân phải trả tiền mặt cho bên A giá trị bò như thỏa thuận ban đầu, ngay tại thời điểm bán bò. Tại Điều II của hợp đồng, thời hạn hợp đồng là 18 tháng. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/02/2021 đến ngày 01/8/2022.

Như vậy, có cơ sở xác định ông H đã nhận của ông Đ một con bò giống trị giá 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) và có trách nhiệm thanh toán cho ông Đ số tiền này khi kết thúc hợp đồng. Do ông H không thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết nên ông Đ đã gửi đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Tại các buổi làm việc ngày 13/7/2023 và ngày 20/10/2023 tại Ủy ban nhân dân xã A, ông H cũng thừa nhận có mượn của ông Đ 01 con bò trị giá 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) và ông đã bán con bò do bò bị té, số tiền bán bò ông đã cho em của ông mượn nhưng do người em này đã trốn nợ bỏ địa phương nên ông không có khả năng trả một lần số tiền này cho ông Đ. Ông xin ông Đ cho ông được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi hết số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng). Tuy nhiên, ông Đ cho rằng ông H chỉ thanh toán cho ông được 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) nên còn nợ lại 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Từ đó xác định việc ông H mượn của ông Đ một con bò trị giá 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) là có thật, ông H đã bán bò trước hạn nhưng không thông báo và thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Đ tại thời điểm bán bò là vi phạm hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông H vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của ông H về những nội dung liên quan đến việc ký kết Hợp đồng Về việc mượn bò giống để nuôi cho nông dân xã A, số tiền ông H đã thanh toán, cũng như số tiền hiện còn nợ ông Đ hay ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Do đó, có cơ sở xác định ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối ông Đ nên ông Đ khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán số tiền còn nợ 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2.2] Ghi nhận ông Đ không yêu cầu tính lãi đối với số tiền ông H có nghĩa vụ hoàn trả.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả: $13.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 675.000 \text{ đồng}$.

[4] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam là phù hợp với nhận định của Tòa nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ về tranh chấp kiện đòi tài sản.

Buộc ông Hồ Thanh Xuân H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Huỳnh Văn Đ số tiền 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận ông Đ không yêu cầu tính lãi đối với số tiền ông H có nghĩa vụ hoàn trả.

2. Về án phí:

Ông Hồ Thanh Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 675.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn Đ số tiền tạm ứng án phí 338.000 đồng (Ba trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0002234 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

Nguyễn Hoàng Kim Sang

